

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2021/HS-ST
Ngày 03/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Hoài T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08 tháng 4 năm 1996, tại Thành phố H;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Võ Hùng C và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 31/12/2020, hiện đang tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Trần Anh T, sinh năm 1983 - Vắng mặt

Địa chỉ: Đường Đ, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1974 - Vắng mặt

Địa chỉ: Đường N, phường N, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1984 - Vắng mặt

Địa chỉ: Đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Nguyễn Kiều H, sinh năm 1987 - Vắng mặt

Địa chỉ: Đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965 - Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Hoài T: Luật sư Tô Bá T - Công ty luật trách nhiệm hữu hạn C - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Trần Anh T là chủ sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E biển số 51G – 517.57 và sử dụng chiếc xe này chạy dịch vụ chở khách. Đã nhiều lần anh T chở Võ Hoài T, nên giữa anh T và T quen biết nhau. Do nợ nần tiền bạc của nhiều người, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô của anh T đem cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Khi có ý định trên và biết nếu xe ô tô không có giấy đăng ký chính chủ thì sẽ không cầm cố được, T đã vờ thuê chiếc xe ô tô biển số 51G – 517.57 của anh T với hình thức tự lái, mục đích để khi anh T giao xe và giấy tờ xe thì T sẽ sao chụp thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký xe, rồi thuê người khác làm giả nhằm chờ cơ hội lừa dối anh T đem chiếc xe đi cầm cố. Khi có được thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51G – 517.57, thì khoảng đầu tháng 7/2019 thông qua mạng xã hội Facebook, T gửi thông tin cho một người nam giới (không rõ lai lịch) đặt làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký của chiếc xe ô tô biển số 51G – 517.57, ghi tên chủ xe là Nguyễn Thị C (tên mẹ ruột của T) với chi phí thuê làm giả là 2.500.000 đồng. Sau khi nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả (T nhận qua dịch vụ chuyển phát nhanh), T thuê anh T chở đi thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với mục đích tìm kiếm cơ hội để chiếm đoạt chiếc xe ô tô của anh T. Khi thuê xe T nói dối với anh T cần đi thành phố B trong thời gian 02 ngày để giải quyết việc riêng, do quen biết nên anh T không lập hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng với T là giá thuê xe là 2.400.000 đồng. Ngày 15/7/2019, anh T điều khiển xe ô tô biển số 51G – 517.57 đến nhà T tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đón và chở T đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk như thỏa thuận. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, cả hai đến thành phố B và thuê phòng tại khách sạn C, địa chỉ: Đường H, thành phố B để nghỉ lại. Tại đây, T nói dối với anh T là “Anh cho em mượn xe chạy lên nhà bạn có công việc, chút xíu em về”; Nghe vậy, anh T tin tưởng và đồng ý giao chiếc xe ô tô biển số 51G – 517.57 cho T mượn. Sau đó thông qua sự giới thiệu của anh Nguyễn Kiều H (là người T quen biết từ trước) T đã điều khiển chiếc xe ô tô nêu trên đến thỏa thuận cầm cố cho chị Nguyễn Thị Kim C (là chị ruột của anh H). Khi cầm cố xe ô tô T đưa cho chị C giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 335126 mà T làm giả trước đó, 01 thẻ căn cước công dân số 079096006771 ghi tên Võ Hoài T, 01 sổ hộ khẩu (photo) của gia đình T, đồng thời T nói dối với chị C chiếc xe ô tô là của mẹ T (bà Nguyễn

Thị C) đã cho T nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho T. Nghe vậy, chị C tin tưởng đồng ý nhận cầm cố chiếc xe ô tô nêu trên cho T với số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay tiền, T lập 01 giấy vay tiền thể hiện: “Ngày 15/7/2019, T vay của chị C số tiền 200.000.000 đồng và thế chấp chiếc xe ô tô biển số 51G – 517.57 cho chị C để đảm bảo việc trả nợ; cam kết đến ngày 25/7/2019 nếu T không trả đúng hạn, thì chị C có toàn quyền xử lý tài sản cầm cố, thế chấp”. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân và trả nợ hết. Do không thấy T đem xe về trả, nên anh T gọi điện thoại hỏi thì T nói đang nhậu với bạn chưa về được và nói anh T ngủ trước. Đến sáng ngày 16/7/2019, anh T nhiều lần gọi điện thoại hỏi thúc T đem xe về trả, nhưng T nói dối là đang giải quyết công việc khi nào xong sẽ về, khoảng 18 giờ cùng ngày T nhắn tin qua phần mềm Zalo báo cho anh T biết là do nợ nần tiền bạc nên T đã cầm cố chiếc xe ô tô của anh T, rồi tắt điện thoại. Sau nhiều lần liên lạc với T nhưng không được, anh T đã đến Cơ quan Công an trình báo. Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị Kim C tự nguyện giao nộp: 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E biển số 51G – 517.57; 01 Căn cước công dân số 079096006771 do Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/01/2019, ghi tên Võ Hoài T (có giá trị đến ngày 08/4/2021); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 335126, ghi “tên chủ xe: Nguyễn Thị C; địa chỉ: Tổ B, Ấp B, X. T, HCC- Biển số đăng ký 51G – 517.57; Ngày đăng ký 13/12/2017; Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/5/2019”; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KC 8922833; 01 giấy vay tiền ghi ngày 15/7/2019 thể hiện việc Võ Hoài T thế chấp chiếc xe ô tô biển số 51G – 517.57 cho chị Nguyễn Thị Kim C để vay số tiền 200.000.000 đồng; 01 sổ hộ khẩu gia đình ghi tên chủ hộ Võ Hùng C (bản phô tô). Anh Trần Anh T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 (hai) “Hợp đồng thuê xe tự lái” đề ngày 14/5/2019 và ngày 05/7/2019 có chữ ký của Võ Hoài T để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản, số: 263/KLDG ngày 30 tháng 9 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Vios E, màu sơn: Trắng, biển số 51G – 517.57 (số máy 2NRX248579; số khung 9F32H5028374); trị giá: 440.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định trưng cầu giám định đối với: 01 (một) Căn cước công dân số 079096006771 ghi tên Võ Hoài T và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 335126, ghi tên chủ xe: Nguyễn Thị C; giám định chữ ký và chữ viết “Võ Hoài T” bên dưới chữ ký của người thuê xe trong hợp đồng thuê xe tự lái đề ngày 14/5/2019 và ngày 05/7/2019 (do Trần Anh T giao nộp) và chữ viết “Võ Hoài T” bên dưới chữ ký của bên vay trong giấy cho vay tiền đề ngày 15/7/2019 (do Nguyễn Thị Kim C giao nộp).

Tại bản kết luận giám định số 844 ngày 20/10/2019 của Phòng PC09 Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 335126 ghi Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/5/2019 (Kí hiệu A1) là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả;

+ Căn cước công dân số 079096006771 mang tên Võ Hoài T, sinh ngày 08/4/1996, ghi Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/01/2019 (Kí hiệu A2) là căn cước công dân thật.

Tại Bản kết luận giám định số 401/PC09 ngày 13/5/2020 của phòng PC09 Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Võ Hoài T trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Võ Hoài T trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản cáo trạng số: 166/CT-VKSBMT ngày 12/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố Võ Hoài T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Hoài T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Hoài T mức án tù 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Hoài T mức án tù 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”;

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Võ Hoài T phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng trả 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E biển số 51G – 517.57 và Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô nói trên cho anh Trần Anh T.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột của bị cáo Võ Hoài T đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim C số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), là tiền mà chị C đã đưa cho T khi nhận cầm cố chiếc xe ô tô biển số 51G – 517.57.

Tại bản luận cứ, người bào chữa cho bị cáo Võ Hoài T trình bày quan điểm bào chữa: Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ

theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự hoặc điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi này của bị cáo chỉ phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự, vì bị cáo mua giấy tờ giả trên mạng chỉ nhằm mục đích tiêu thụ tài sản chiếm đoạt được, chứ không sử dụng giấy tờ giả làm công cụ, phương tiện để chiếm đoạt tài sản là xe ô tô của anh T, nên bị cáo không phạm vào điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự tuyên bị cáo Võ Hoài T dưới khung hình phạt.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra người bị hại anh Trần Anh T xác định đã nhận lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E biển số 51G – 517.57 và Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô mà bị cáo Võ Hoài T đã chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Kim C xác định đã nhận số tiền 200.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị C bồi thường thay cho bị cáo T, chị C xin bãi nại cho bị cáo và không có yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Kiều H và anh Nguyễn Thành N không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột truy tố đối với bị cáo Võ Hoài T là có cơ sở, đúng pháp luật. Quan điểm của luật sư cho rằng bị cáo chỉ phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là không đúng; Vì thông qua mạng xã hội bị cáo thuê làm giả giấy tờ xe và dùng giấy tờ giả này để thực hiện trót lọt hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản có giá trị 440.000.000 đồng. Do vậy Viện kiểm sát truy tố bị cáo Võ Hoài T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 là đúng pháp luật. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhận thấy: Để được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này, thì bị cáo phải giúp cơ quan chức năng phát hiện thêm tội phạm mới hoặc đồng phạm mới (Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tối cao). Do vậy, người bào chữa đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

là không có cơ sở chấp nhận. Như vậy đã có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Đề thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E biển số 51G – 517.57 của anh Trần Anh T, đầu tháng 7/2019 Võ Hoài T đã có hành vi cung cấp thông tin để thuê người khác làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 335126 nhãn hiệu Toyota Vios E biển số 51G – 517.57; Đến ngày 15/7/2019, tại phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bằng thủ đoạn gian dối Võ Hoài T đã chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E, biển số 51G – 517.57, trị giá 440.000.000 đồng của anh Trần Anh T, sau đó đem chiếc xe ô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe đã làm giả trước đó đến cầm cố cho chị Nguyễn Thị Kim C lấy số tiền 200.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Như vậy hành vi của bị cáo Võ Hoài T thực hiện đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự, quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2.;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”.

Điều 341 Bộ luật Hình sự, quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2.....;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm;

a).....;

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

[2] Võ Hoài T là công dân có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân trong cuộc sống, buộc bị cáo phải biết được mọi hành vi làm giả, sử dụng tài liệu giả của của cơ quan, tổ chức đều bị cấm và tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến đều bị trừng trị nghiêm minh. Song do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi, lười lao động nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước và xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của xã hội; Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo và để đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã làm đơn bãi nại cho bị cáo; Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Do vậy cần áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật; Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định cho bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp.

[6] Đối với anh Nguyễn Kiều H, chị Nguyễn Thị Kim C là người đã giới thiệu và nhận cầm cố chiếc xe ô tô biển số 51G – 517.57, nhưng anh H và chị C đều không biết chiếc xe trên là do bị cáo Võ Hoài T phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Đối với người nam giới nhận làm giấy tờ giả cho bị cáo Võ Hoài T. Do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi nội dung vụ án để tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định xử lý vật chứng trả cho anh Trần Anh T là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E biển số 51G – 517.57 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô.

Đối với 01 căn cước công dân số: 079096006771 cấp ngày 30/01/2019 ghi tên Võ Hoài T, là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên tuyên trả cho bị cáo là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Anh T không có yêu cầu gì. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ngày 01/02/2021 bà Nguyễn Thị C là mẹ của bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim C số tiền 200.000.000 đồng, chị C không có yêu cầu gì thêm, nên cần ghi nhận.

[10] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 174, Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Hoài T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Hoài T 06 (Sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Hoài T 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt của nhiều tội, buộc bị cáo Võ Hoài T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là: 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt (ngày 31/12/2020).

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định xử lý vật chứng trả cho anh Trần Anh T là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E biển số 51G – 517.57 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe Ô tô Toyota Vios E biển số 51G – 517.57.

Tuyên trả cho bị cáo Võ Hoài T 01 căn cước công dân số 079096006771 cấp ngày 30/01/2019, ghi tên Võ Hoài T (*Hiện đang lưu giữ tại Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột*).

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Võ Hoài T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C và chị Nguyễn Thị Kim C số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), chị Nguyễn Thị Kim C đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Hoài T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo; Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Dư